

Số:121/2021/QĐST-HNGĐ

Phổ Yên, ngày 26 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức G, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên;

- Bị đơn: Chị Lê Thị Bé T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS - Người đại diện: Ông Phùng Văn Đ - Trưởng phòng (theo giấy uỷ quyền số 80-2020/UQ-TNG-HCNQ của Giám đốc Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN ngày 15/11/2020); địa chỉ: Số 281, đường CMT 8, tổ 20, phường HS, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,59,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2021;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Trần Gia Ng, sinh ngày 14/02/2014 và Trần Thanh Th, sinh ngày 01/9/2018.

Anh G, chị T thống nhất thỏa thuận: Giao cho anh Trần Đức G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là: Trần Gia Ng, sinh ngày 14/02/2014 và Trần Thanh Th, sinh ngày 01/9/2018. Anh G không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi anh G có yêu cầu. Chị T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận sự phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau.

- **Về đất ở:** Giao cho anh Trần Đức G được quyền sử dụng: Thửa đất số 2541, tờ bản đồ số 9 diện tích 300 m² mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (trong đó có 24,0 m² đất ở nông thôn thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 381505 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 16/5/2017 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00186 mang tên ông Nguyễn Đức G (nội dung tên chủ sử dụng có sai sót, được đính chính lại là Trần Đức G theo biên bản kiểm tra ngày 17/05/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã PY); Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 9 diện tích 120 m² mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (trong đó có 11,0 m² đất ở nông thôn thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 381504 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 16/5/2017 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00185 mang tên ông Nguyễn Đức G (nội dung tên chủ sử dụng có sai sót, được đính chính lại là Trần Đức G theo biên bản kiểm tra ngày 17/05/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã PY). Vị trí các thửa đất tại: Xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ đo đất kèm theo).

(Thửa đất 59 và thửa 2541 đều thuộc tờ bản đồ số 9, vị trí các thửa đất tại: xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên) đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS cho hợp đồng tín dụng số:

46/21/HĐTD/TN.HS ngày 19/3/2021 giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS với bên vay là Ông Trần Đức G và bà Lê Thị Bé T.

- **Về đất canh tác:** Anh Trần Đức G được quyền sử dụng: Thửa đất số 2540, tờ bản đồ số 9 diện tích 220 m² mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, vị trí thửa đất tại: xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 381506 do Sở Tài Nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 16/5/2017 số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS00187 mang tên ông Nguyễn Đức G (nội dung tên chủ sử dụng có sai sót, được đính chính lại là Trần Đức G theo biên bản kiểm tra ngày 17/05/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã PY) (có sơ đồ đo đất kèm theo).

- **Về tài sản trên đất:** Giao cho anh Trần Đức G được quyền sở hữu, sử dụng: 01 nhà 02 tầng khung bê tông cốt thép, diện tích tầng 1 là 154 m², chiều cao tầng 1 là 3,6 m, tổng diện tích sàn 328 m²; 01 khu công trình phụ + kho khung sắt, mái tôn diện tích 89,6 m², tường rào xây gạch chỉ D110 kết hợp với thanh bê tông cao 2 mét chiều dài 75 mét, sân lát gạch đất nung 40x40 diện tích 17m², 01 bán mái kính diện tích 12,6m² (công trình được xây dựng trên thửa đất 59 và thửa 2541 đều thuộc tờ bản đồ số 9, tại xóm TX 4, xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên); 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại ACCORD, loại xe ô tô con, màu sơn đỏ, số chỗ ngồi 5 đứng, biển kiểm soát 20A-289.60, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046788 tên chủ xe Trần Đức G địa chỉ: TX 4, xã TT - PY – Thái nguyên do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 18/10/2018 cho anh Trần Đức G.

Chị Lê Thị Bé T không yêu cầu anh Trần Đức G phải trích chia tài sản chung của vợ chồng.

2.4. Về nợ chung: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T đều xác định ngày 19/3/2021 anh chị có vay của Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để xây nhà với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu.

Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T đều nhất trí thỏa thuận và đề nghị Toà án ghi nhận cụ thể như sau: Giao cho anh Trần Đức G có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nợ gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 46/21/HĐTD/TN.HS ngày 19/3/2021 giữa bên cho vay: Ngân hàng TMCP NTVN - Chi nhánh TN - Phòng giao dịch HS với bên vay là Ông Trần Đức G và bà Lê Thị Bé T, khi đến hạn.

2.5. Về án phí: Anh Trần Đức G và chị Lê Thị Bé T thống nhất thỏa thuận,

anh G chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001846 ngày 23/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Hoàn trả lại cho anh G 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã PY;
- THADS thị xã PY;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Ngân hàng TMCP NTVN;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên)

Hà Thị Thu Thủy